



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

MỤC LỤC

	TRANG
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10-11
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12-26

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ban Giám đốc trân trọng đề trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC (“Bệnh viện”) cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng Quản trị

Bs. ĐÀO HỮU TRUNG	Chủ tịch HĐQT
Ông: NGUYỄN ANH TUẤN	Ủy viên
Bà: PHẠM THANH HÀ	Ủy viên
Bs. PHẠM BÍCH XUÂN	Ủy viên
Bs. CHU TRỌNG HIỆP	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bs. ĐÀO HỮU TRUNG	Tổng Giám đốc
PGs.Ts PHẠM NGUYỄN VINH	Giám đốc chuyên môn
Bs. CHU TRỌNG HIỆP	Phó Giám đốc Ngoại khoa
Bs. PHẠM BÍCH XUÂN	Phó Giám đốc Đối ngoại
CN. VŨ VIỆT HÙNG	Giám đốc Tài chính

Kế toán trưởng

Ông VŨ THIÊN TÂN	Kế toán trưởng
------------------	----------------

2. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BỆNH VIỆN

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/07/2002. Ngành nghề kinh doanh của Bệnh viện là: Dịch vụ khám, chữa bệnh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Số 4103001109 được sửa đổi lần thứ 6 ngày 01/06/2006, vốn điều lệ của Công ty là 39.600.000.000 VNĐ. Năm 2007, Bệnh viện được tăng vốn điều lệ lên 129.600.000.000 VNĐ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001109 thay đổi lần thứ 7 ngày 06/10/2007.

Trụ sở hoạt động của Bệnh viện:

+ 04 Nguyễn Lương Bằng – Phường Tân Phú – Quận 7 – Tp. HCM.

+ 81-83 Thành Thái – Phường 14 – Quận 10 – Tp. HCM.

Hoạt động chính của Bệnh viện: Dịch vụ khám, chữa bệnh.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		36.001.909.716	16.830.521.031
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
Khấu hao tài sản cố định	2		8.935.857.381	8.605.379.583
Các khoản dự phòng	3			
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	30.100.941
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	5		(3.427.372.275)	(2.363.375.349)
Chi phí lãi vay	6		3.068.358.458	5.363.828.192
<i>Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>				
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	9		(2.965.578.684)	(3.301.581.086)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(4.528.859.231)	(3.777.233.938)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		10.400.953.044	585.260.661
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12		293.609.000	1.527.054.537
Tiền lãi vay đã trả	13		(3.068.358.458)	(5.363.828.192)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.228.391.333)	(1.581.985.258)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			757.350.773
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.889.755.235)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		39.592.372.383	17.311.491.895
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(7.340.578.313)	(20.095.588.086)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22			
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23		(3.151.835.177)	(14.907.780.187)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		-	17.944.000.805
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.151.835.177	2.363.375.349
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.340.578.313)	(14.695.992.119)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		895.263.117	
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		664.288.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(168.000.000)	(8.000.000.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.110.126.031)	
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36		(26.609.312.203)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.327.887.117)	(8.000.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.923.906.953	(5.384.500.224)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.359.953.914	11.701.942.279
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		40.705.323	42.511.859
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70		12.324.566.190	6.359.953.914

Kế toán trưởng



VÕ THIỆN TÂN

TP HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Tổng Giám đốc



ĐÀO HỮU TRUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn :

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC (Bệnh viện) được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4103001109 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/07/2002.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Số 4103001109 được sửa đổi lần thứ 6 ngày 01/06/2006, vốn điều lệ của Công ty là 39.600.000.000 VNĐ. Năm 2007, Công ty được tăng vốn điều lệ lên 129.600.000.000 VNĐ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103001109 thay đổi lần thứ 7 ngày 06/10/2007.

02. Lĩnh vực kinh doanh : Dịch vụ

03. Ngành nghề kinh doanh:

Dịch vụ khám, chữa bệnh: Bệnh viện

04. Đặc điểm hoạt động của DN trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01/2009 kết thúc ngày 31/12/2009.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ

Đồng Việt Nam (VNĐ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng:

Bệnh viện áp dụng chế độ kế toán Việt Nam theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 20/03/2006.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định có liên quan hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có quá nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: FIFO.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xoá sổ và bất kỳ khoản lãi hay lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính.

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	30 năm
Máy móc, thiết bị	12 năm

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính khấu hao trong 3 năm

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

07. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước dài hạn:

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm: tiền thuê văn phòng, chi phí CCDC được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn dưới 3 năm.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: chi phí bán hàng, lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả : Không phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính: Ghi nhận theo số đã thực chi trả.

Các khoản chi lãi tiền đi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán được xác định một cách đáng tin cậy được hạch toán trên chi phí tài chính chưa kể đã chi tiền hay chưa.

14. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái:

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục ngắn hạn được treo lại trên TK413 đầu năm sau hoàn nhập lại; khoản chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục nợ dài hạn được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo tinh thần Thông tư 177 và 201 của Bộ Tài Chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2009: 17.941VND/USD

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

01. Tiền:	31/12/2009	31/12/2008
- Tiền mặt	529.881.901	1.719.561.592
- Tiền gửi ngân hàng	11.794.684.289	4.640.392.322
Cộng	12.324.566.190	6.359.953.914
02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:	31/12/2009	31/12/2008
- Đầu tư ngắn hạn khác	25.115.614.559	21.963.779.382
Cộng	25.115.614.559	21.963.779.382
Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng của Công ty tại Ngân hàng Vietcombank.		
03. Các khoản phải thu ngắn hạn khác:	31/12/2009	31/12/2008
- Phải thu cơ quan BHYT	860.106.766	
- Phải thu thuế TNCN của nhân viên	182.740.166	182.740.166
- Phải thu của Hội BTBNN Tỉnh Kiên Giang	101.000.000	
- Phải thu khác	536.621.326	84.778.334
Cộng	1.680.468.258	267.518.500

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

04. Hàng tồn kho	31/12/2009	31/12/2008
- Nguyên liệu, vật liệu	14.412.372.551	11.603.104.539
- Công cụ, dụng cụ	494.708.346	159.621.099
- Hàng hóa	2.879.710.755	1.495.206.783
Cộng	17.786.791.652	13.257.932.421
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (-)	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	17.786.791.652	13.257.932.421

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có.

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có.

* Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu kỳ	62.984.774.056	71.039.696.800	1.679.235.167	681.137.272	165.028.682	136.549.871.977
- Mua trong kỳ	-	4.212.576.922	804.288.000	158.943.000	-	5.175.807.922
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(148.700.775)	-	-	-	(148.700.775)
Số dư cuối năm	62.984.774.056	75.103.572.947	2.483.523.167	840.080.272	165.028.682	141.576.979.124
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	6.340.592.599	15.407.864.970	654.821.736	392.711.333	68.209.335	22.864.199.973
- Khấu hao trong kỳ	2.262.263.772	5.930.126.795	260.901.197	134.871.215	43.128.529	8.631.291.508
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(33.965.310)	-	-	-	(33.965.310)
Số dư cuối năm	8.602.856.371	21.304.026.455	915.722.933	527.582.548	111.337.864	31.461.526.171
Giá trị còn lại của TSCĐ HH						
- Tại ngày đầu kỳ	56.644.181.457	55.631.831.830	1.024.413.431	288.425.939	96.819.347	113.685.672.004
- Tại ngày cuối năm	54.381.917.685	53.799.546.492	1.567.800.234	312.497.724	53.690.818	110.115.452.953

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Toàn bộ tài sản cố định tại bệnh viện (trừ trụ sở chính) đều đã dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay trung và dài hạn theo hợp đồng bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay số 71/NHNT-TD/TC/04 giữa Công ty Cổ phần Bệnh viện Tim Tâm Đức và Ngân hàng ngoại thương - Chi nhánh Bình Tây ngày 06/09/2004.

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.009.296.258 đồng

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có.

(*): Tài sản cố định và khấu hao tương ứng giảm trong kỳ bao gồm 1 máy laptop và 1 máy monitor bị mất chuyển sang tài sản thiếu chờ xử lý.

09. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ thuê TC						
Số dư đầu năm	-	2.745.344.400	-	-	-	2.745.344.400
- Thuê tài chính trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	2.745.344.400	-	-	-	2.745.344.400
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm		82.112.458				82.112.458
- Khấu hao trong năm	-	228.778.704	-	-	-	228.778.704
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	310.891.162	-	-	-	310.891.162
Giá trị còn lại của TSCĐ thuê TC						
- Tại ngày đầu năm	-	2.663.231.942	-	-	-	2.663.231.942
- Tại ngày cuối năm	-	2.434.453.238	-	-	-	2.434.453.238

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Lợi thế thương mại	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TS Vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	474.000.000	-	474.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-	324.359.700	-	324.359.700
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	798.359.700	-	798.359.700
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	-	-	-	441.761.121	-	441.761.121
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	75.787.169	-	75.787.169
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	517.548.290	-	517.548.290
Giá trị còn lại của TSCĐ VH						
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	32.238.879	-	32.238.879
- Tại ngày cuối năm	-	-	-	280.811.410	-	280.811.410

3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2009.

Ban Giám đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC)

- Tổng doanh thu:	217.341.472.902 VND
- Tổng chi phí:	181.339.563.186 VND
- Lãi (lỗ) trước thuế:	36.001.909.716 VND

4. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP. HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC.

5. CAM KẾT CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Bệnh viện chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính của Bệnh viện cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Bệnh viện đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Bệnh viện.
- Tài sản dự án được đầu tư bằng vốn tự có và vốn vay (gọi chung là tài sản hình thành từ vốn vay) bao gồm: toàn bộ máy móc thiết bị (bao gồm máy móc thiết bị văn phòng và chuyên ngành y tế đã được dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn theo hợp đồng bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay Số 71/NHNT-TD/TC/04 ngày 06/09/2004 và HĐ vay trung hạn số 022C09 ngày 23/06/2009 giữa Công ty cổ phần bệnh viện Tim Tâm Đức và Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Bình Tây. Ngoài ra không có một thế chấp nào bằng tài sản của Bệnh viện kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Bệnh viện sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Bệnh viện, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Bệnh viện bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Bệnh viện được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu hay bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:		
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình mở rộng bệnh viện	7.296.785.747	7.038.354.747
- Chi phí xây dựng phòng mổ 3	175.414.015	
Cộng	7.472.199.762	7.038.354.747
14. Chi phí trả trước dài hạn:		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.692.977.126	3.816.452.858
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	137.371.037
- Chi phí thuê đất	7.136.170.216	7.302.127.660
Cộng	10.829.147.342	11.255.951.555
15. Vay và nợ ngắn hạn		
- Nợ đến hạn trả của HĐ vay trung hạn 022C09- Ngân hàng Ngoại thương CN Bình Tây	336.000.000	-
- Nợ thuê tài sản đến hạn trả	1.145.712.259	1.225.060.320
Trong đó:		
+Nợ thuê đến hạn của HĐ thuê và mua tài sản TL-12/2008	317.735.109	408.466.620
<i>Tương đương USD</i>	<i>17.710 USD</i>	<i>24.060 USD</i>
+ Nợ thuê đến hạn của HĐ thuê và mua tài sản 7708/TR-BVTD	454.804.350	463.472.100
<i>Tương đương USD</i>	<i>25.350 USD</i>	<i>27.300 USD</i>
+ Nợ thuê đến hạn của HĐ thuê và mua tài sản 11208/YTSG-BVTD	373.172.800	353.121.600
<i>Tương đương USD</i>	<i>20.800 USD</i>	<i>20.800 USD</i>
Cộng	1.481.712.259	1.225.060.320

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Các loại thuế	Số phải nộp tại 01/01/2009	Số thuế phải nộp phát sinh trong niên độ 2009	Số thuế đã nộp trong niên độ 2009	Số phải nộp tại 31/12/2009
- Thuế GTGT đầu ra	-	84.710.846	64.235.781	20.475.065
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	694.465.599	4.163.916.782	3.228.391.333	1.629.991.048
- Thuế Thu nhập cá nhân	144.010.498	1.240.770.706	1.352.840.035	31.941.169
Cộng	838.476.097	5.489.398.334	4.645.467.149	1.682.407.282

17. Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
- Trích trước chi phí kiểm toán	81.000.000	55.000.000
- Trích trước chi phí điện, nước, điện thoại, vệ sinh, giặt ủi, bảo vệ, gửi mẫu xét nghiệm, Oxy, thực phẩm nhà hàng... của tháng 12.	1.149.949.783	1.299.732.621
Cộng	1.230.949.783	1.354.732.621

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
- Tài sản thừa chờ giải quyết	319.245.803	298.051.242
- Bảo lãnh dự thầu	2.642.437	2.642.437
- Kinh phí công đoàn	25.575.247	110.297.836
- BH xã hội, BH thất nghiệp và BH y tế phải nộp	473.544.911	12.021.446
- Bảo hiểm xã hội trợ cấp cho người lao động	273.625	10.092.731
- Tiền ứng hộ bảo lụt thu của nhân viên chưa nộp	9.985.000	9.985.000
- Tiền ứng hộ bệnh nhân nghèo thu của các tổ chức và cá nhân	123.441.327	93.166.313
- Tiền thu thừa của bệnh nhân	25.901.292	25.968.892
- Quỹ hỗ trợ đào tạo	18.076.933	21.770.400
- Tiền thu từ các lớp ECG, SATT	55.004.389	-
- Tiền tạm ứng thừa của bảo hiểm	-	39.208.847
- Cổ tức tạm ứng đợt 1, 2/2009 cổ đông chưa nhận	3.238.460.000	-
Cộng	4.292.150.964	623.205.144

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

20. Vay và nợ dài hạn	31/12/2009	01/01/2009
- Vay dài hạn Ngân hàng Ngoại thương - CN Bình Tây (*)	27.649.010.358	27.649.010.358
- Vay trung hạn Ngân hàng Ngoại thương - CN Bình Tây mua xe cứu thương (**)	160.288.000	-
- Thuê máy móc thiết bị	248.482.850	1.204.348.380
Trong đó:		
+Thuê theo HĐ thuê và mua tài sản TL-12/2008	-	247.524.660
<i>Tương đương USD</i>	-	14.580 USD
+ Thuê theo HĐ thuê và mua tài sản 7708/TR-BVTD	104.954.850	496.577.250
<i>Tương đương USD</i>	5.850 USD	29.250 USD
+ Thuê theo HĐ thuê và mua tài sản 11208/YTSG-BVTD	143.528.000	461.774.400
<i>Tương đương USD</i>	8.000 USD	27.200 USD
Cộng	28.057.781.208	28.853.358.738

(*): Số dư đầu kỳ và cuối kỳ là khoản vay dài hạn của Ngân hàng Ngoại thương - CN Bình Tây theo hợp đồng tính dụng số 01D04 ngày 06/09/2004. Hạn mức vay là 86.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 108 tháng (trong đó, thời gian ân hạn là 24 tháng và thời gian thu hồi nợ là 84 tháng). Lãi vay được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng từng kỳ và ghi rõ trong giấy nhận nợ từng lần. Khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ tài sản dự án được đầu tư bằng vốn tự có và vốn vay (bao gồm: toàn bộ máy móc thiết bị).

(**): Đây là khoản vay trung hạn của Ngân hàng ngoại thương - CN Bình Tây theo hợp đồng tín dụng số 022C09, Thời hạn vay 24 tháng. Lãi vay được quy định cụ thể theo từng Giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cộng
A	1	2	3	5	5	5	6
<i>Số dư đầu năm trước</i>	128.704.736.883	1.650.000.000	(8.247.296.225)	118.709.915			122.226.150.573
- Tăng vốn trong năm trước							-
- Lãi trong năm trước			14.723.274.030				14.723.274.030
- Tăng khác							-
- Giảm vốn trong năm trước							-
- Lỗ trong năm trước							-
- Giảm khác			(243.905.690)				(243.905.690)
Trích, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp			-				-
<i>Số dư cuối năm trước</i>	128.704.736.883	1.650.000.000	6.232.072.115	118.709.915	-	-	136.705.518.913
<i>Số dư đầu năm nay</i>	128.704.736.883	1.650.000.000	6.232.072.115	118.709.915	-	-	136.705.518.913
- Tăng vốn trong năm nay	895.263.117	-	-	-	-	-	895.263.117
- Lãi trong năm nay	-	-	31.059.059.217	-	-	-	31.059.059.217
- Tăng khác	-	-	778.933.717	-	81.818.182	-	860.751.899
- Chia cổ tức	-	-	(29.847.772.203)	-	-	-	(29.847.772.203)
- Trích lập quỹ	-	-	(1.395.906.209)	-	1.395.906.209	-	-
- Giảm khác (*)	-	-	-	-	(460.001.341)	(4.157.432)	(464.158.773)
<i>Số dư cuối năm nay</i>	129.600.000.000	1.650.000.000	6.826.386.637	118.709.915	1.017.723.050	(4.157.432)	139.208.662.170

(*): Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu giảm do phần đã sử dụng trong năm 2009.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	31/12/2009	01/01/2009
b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp của các cổ đông	129.600.000.000	128.704.736.883
- Vốn góp của các đối tượng khác	-	-
Tổng cộng	129.600.000.000	128.704.736.883
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm 2009	Năm 2008
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	128.704.736.883	128.704.736.883
+ Vốn góp tăng trong năm	895.263.117	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	129.600.000.000	128.704.736.883
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	29.847.772.203	-
d. Cổ phiếu	31/12/2009	01/01/2009
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành (*)	12.960.000	1.296.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.960.000	1.296.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.960.000	1.296.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (*)	12.960.000	1.296.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.960.000	1.296.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (*)	10.000	100.000

(*): Trong 2009, Bệnh viện đã thông qua Đại hội cổ đông về việc tách cổ phiếu làm cho số lượng cổ phiếu phát hành cũng như đang lưu hành tăng từ 1.296.000 cổ phiếu lên 12.960.000 cổ phiếu đồng thời mệnh giá giảm từ 100.000 đồng/cp xuống 10.000 đồng/cp. Như vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2008 là 11.361 đồng/100.000đồng mệnh giá, năm 2009 là 2.397đồng/10.000đồng mệnh giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2009	Năm 2008
25. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)	210.759.816.213	157.061.077.956
Trong đó:		
- Doanh thu dịch vụ khám, chữa bệnh	175.765.784.670	133.043.999.460
- Doanh thu bán thuốc	33.423.556.543	22.385.953.952
- Doanh thu dịch vụ nhà hàng	1.570.475.000	1.631.124.544
26. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)	128.908.694	28.597.791
Trong đó:		-
- Hàng bán bị trả lại	128.908.694	28.597.791
Hàng bán bị trả lại là những khoản tiền bệnh viện chi hoàn trả lại cho bệnh nhân do không thực hiện một hoặc một số khâu trong quá trình phẫu thuật.; do thay đổi loại dịch vụ		
27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10)	210.630.907.519	157.032.480.165
28. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	Năm 2009	Năm 2008
- Giá vốn dịch vụ khám, chữa bệnh	117.944.653.267	93.203.256.038
- Giá vốn bán thuốc	29.648.290.675	19.716.093.663
- Giá vốn dịch vụ nhà hàng	4.309.934.176	3.825.962.132
Cộng	151.902.878.118	116.745.311.833
29. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	Năm 2009	Năm 2008
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.427.372.275	2.430.310.519
- Lãi chênh lệch tỷ giá	87.242.370	416.193.342
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.426.669	-
Cộng	3.517.041.314	2.846.503.861
30. Chi phí tài chính (Mã số 22)	Năm 2009	Năm 2008
- Lãi tiền vay	3.068.358.458	5.363.828.192
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	311.036.438	585.504.958
Cộng	3.379.394.896	5.949.333.150

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2009	Năm 2008
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.001.909.716	16.830.521.031
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận xác định thu nhập chịu thuế:		
Điều chỉnh tăng:	148.242.725	919.248.546
+ Chi phí không hợp lệ hoặc không có chứng từ	148.242.725	846.635.746
+ Lỗ CLTG do đánh giá lại cuối kỳ	-	72.612.800
Điều chỉnh giảm:	470.983.879	7.684.161.659
+ Chuyển lỗ của những năm trước	-	7.684.161.659
+ Lãi CLTG do đánh giá lại cuối kỳ	-	42.511.859
+ Thu nhập ASTRAZENECA tài trợ đề tài nghiên cứu " Tần suất của bệnh xơ vữa động mạch trên bệnh nhân Châu á"- Hợp đồng tham gia nghiên cứu số D3560L00092 ngày 14/7/2009	39.800.000	
+ Trích lập quỹ Khoa học Công nghệ	431.183.879	
- Tổng lợi nhuận chịu thuế	35.679.168.562	10.023.096.059
Trong đó:		
+ Thu nhập chịu thuế suất 10%	26.512.944.280	8.740.248.673
+ Thu nhập chịu thuế suất 25%	9.166.224.282	1.282.847.386
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.942.850.499	2.107.247.001
Trong đó:		
+ Chi phí thuế TNDN tương ứng thuế suất 10%	2.651.294.428	1.748.049.735
+ Chi phí thuế TNDN tương ứng thuế suất 25%	2.291.556.071	359.197.268
- Tổng lợi nhuận sau thuế	31.059.059.217	14.723.274.030
<i>Dịch vụ khám chữa bệnh được hưởng thuế suất ưu đãi là 10%, các khoản thu nhập ngoài dịch vụ khám chữa bệnh vẫn chịu thuế suất là 25%.</i>		
33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2009	Năm 2008
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.233.204.019	74.282.111.031
- Chi phí nhân công	47.293.054.463	33.836.577.056
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.935.857.381	8.605.379.583
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.205.003.489	26.415.172.941
Cộng	181.667.119.352	143.139.240.611

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng



VÕ THIÊN TÂN

Tổng Giám đốc



ĐÀO HỮU TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định rằng Bệnh viện vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Bệnh viện. Các báo cáo tài chính được lập tuân thủ hệ thống kế toán Việt Nam theo quy định.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC và do đó, đã áp dụng các biện pháp thích hợp để ngăn ngừa, phát hiện các hành vi gian lận và các hành vi vi phạm khác.

6. TUYÊN BỐ

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính của Bệnh viện được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TM. Ban Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
BỆNH VIỆN TIM

TÂM ĐỨC

ĐÀO HỮU TRUNG

Tổng Giám đốc

Ngày 08 tháng 03 năm 2010



Số: 0310103/AISC-DN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC**

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 22 tháng 02 năm 2010 của Công ty CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC từ trang 05 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc về trách nhiệm Ban Giám đốc Quý Bệnh viện. Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán để hình thành một ý kiến độc lập về các báo cáo tài chính này.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những ý kiến quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Giám đốc Bệnh viện cũng như việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Bệnh viện cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Chứng chỉ KTV số: 1176/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2010



Phạm Văn Vinh

Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV

Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.270.624.371	49.526.543.790
I. Tiền	110		12.324.566.190	6.359.953.914
1. Tiền	111	V.1	12.324.566.190	6.359.953.914
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.115.614.559	21.963.779.382
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	25.115.614.559	21.963.779.382
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.232.401.610	6.808.948.562
1. Phải thu khách hàng	131		7.204.548.886	6.025.120.118
2. Trả trước cho người bán	132		1.347.384.466	516.309.944
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1.680.468.258	267.518.500
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	17.786.791.652	13.257.932.421
1. Hàng tồn kho	141		17.786.791.652	13.257.932.421
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		811.250.360	1.135.929.511
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		357.107.074	223.911.861
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	1.663.246
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		454.143.286	910.354.404
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		131.498.501.605	134.941.886.027
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
II. Tài sản cố định	220		120.302.917.363	123.419.497.572
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	110.115.452.953	113.685.672.004
- Nguyên giá	222		141.576.979.124	136.549.871.977
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.461.526.171)	(22.864.199.973)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.9	2.434.453.238	2.663.231.942
- Nguyên giá	225		2.745.344.400	2.745.344.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(310.891.162)	(82.112.458)
3. TSCĐ vô hình	227	V.10	280.811.410	32.238.879
- Nguyên giá	228		798.359.700	474.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(517.548.290)	(441.761.121)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	7.472.199.762	7.038.354.747
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.195.584.242	11.522.388.455
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	10.829.147.342	11.255.951.555
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		366.436.900	266.436.900
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		197.769.125.976	184.468.429.817

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.476.753.891	47.679.200.989
I. Nợ ngắn hạn	310		29.997.710.629	18.525.202.064
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	1.481.712.259	1.225.060.320
2. Phải trả cho người bán	312		15.337.485.026	10.881.010.400
3. Người mua trả tiền trước	313		2.321.773.416	1.335.467.553
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.682.407.282	838.476.097
5. Phải trả người lao động	315		3.651.231.899	2.267.249.929
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1.230.949.783	1.354.732.621
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	4.292.150.964	623.205.144
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		28.479.043.262	29.153.998.925
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	28.057.781.208	28.853.358.738
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		421.262.054	300.640.187
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		139.292.372.085	136.789.228.828
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	139.208.662.170	136.705.518.913
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		129.600.000.000	128.704.736.883
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.650.000.000	1.650.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(4.157.432)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		118.709.915	118.709.915
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.017.723.050	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.826.386.637	6.232.072.115
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN BỆNH VIỆN TIM TÂM ĐỨC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		83.709.915	83.709.915
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		83.709.915	83.709.915
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		197.769.125.976	184.468.429.817

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
Dollar Mỹ (USD)		47.841,32	53.269,58
Euro (EUR)		381,44	292,19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng



VÕ THIÊN TÂN

Tổng Giám đốc



ĐÀO HỮU TRUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.25	210.759.816.213	157.061.077.956
Các khoản giảm trừ doanh thu	2		128.908.694	28.597.791
Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		210.630.907.519	157.032.480.165
Giá vốn hàng bán	11	VI.28	151.902.878.118	116.745.311.833
Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		58.728.029.401	40.287.168.332
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	3.517.041.314	2.846.503.861
Chi phí tài chính	22	VI.30	3.379.394.896	5.949.333.150
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.068.358.458	5.363.828.192
Chi phí bán hàng	24		6.022.980.414	5.865.420.009
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		19.212.401.589	16.751.274.831
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.630.293.816	14.567.644.203
Thu nhập khác	31		3.193.524.069	3.544.362.743
Chi phí khác	32		821.908.169	1.281.485.915
Lợi nhuận khác	40		2.371.615.900	2.262.876.828
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.001.909.716	16.830.521.031
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	4.942.850.499	2.107.247.001
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.059.059.217	14.723.274.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		2.397	11.361

(*): Trong 2009, Bệnh viện đã thông qua Đại hội cổ đông về việc tách cổ phiếu làm cho số lượng cổ phiếu phát hành cũng như đang lưu hành tăng từ 1.296.000 cổ phiếu lên 12.960.000 cổ phiếu đồng thời mệnh giá giảm từ 100.000 đồng/cp xuống 10.000 đồng/cp. Như vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2008 là 11.361 đồng/100.000 đồng mệnh giá, năm 2009 là 2.397 đồng/10.000 đồng mệnh giá.

TP HCM, ngày 22 tháng 02 năm 2010

Kế toán trưởng



VÕ THIÊN TÂN

Tổng Giám đốc



ĐÀO HỮU TRUNG